

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC HỒI  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày: 27-9-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Trường Thọ.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thụy Lệ Huyền và bà Hoàng Thị Hòa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ngô Đình Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa:***  
Bà Hiêng Thị Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27-9-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2021/TLST-DS ngày 19-5-2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-DS ngày 01-9-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2021/QĐST-DS ngày 16-9-2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: Số .....Trần Hưng Đạo, quận, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông .....- Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng C. Người đại diện theo ủy quyền: Ông ..... - Phó giám đốc Ngân hàng C - Chi nhánh Kon Tum. (Văn bản ủy quyền số: 652/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 09-6-2020). (Có mặt).

- Đồng bị đơn:

+ Anh Nguyễn H. (Vắng mặt);

+ Chị Trịnh Thị X. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Kon Tum.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn – Ngân hàng C (viết tắt: Ngân hàng) trình bày:

Ngân hàng C (thông qua Ngân hàng C – Chi nhánh Kon Tum và Phòng Giao dịch Ngọc Hồi của Ngân hàng C – Chi nhánh Kon Tum) có cho vợ chồng anh Nguyễn H – chị Trịnh Thị X vay tiền theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số: 785NH/2018-HĐCV/NHCT510 ngày 06-11-2018: Số tiền vay là 400.000.000đồng. Thời hạn vay từ ngày 06-11-2018 đến ngày 06-11-2019, lãi suất cho vay là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay; mục đích vay để bổ sung vốn chăm sóc cà phê.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, vợ chồng anh H đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 52, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 272447 ngày 21-10-2015 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Nguyễn H - bà Trịnh Thị X.

- Hợp đồng cho vay số: 892NH/2018-HĐCV/NHCT510 ngày 05-12-2018: Số tiền vay là 600.000.000đồng. Thời hạn vay từ ngày 05-12-2018 đến ngày 05-12-2019, lãi suất cho vay là 8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay; mục đích vay để bổ sung vốn mua bán, sửa chữa hàng điện tử.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, vợ chồng anh H đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 84a và thửa đất số 84b, tờ bản đồ số 61, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 157926 ngày 09-8-2016 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Ngân Văn Chính - bà Hà Thị Quyết (ông Ngân Văn Chính và bà Hà Thị Quyết chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn H - bà Trịnh Thị X vào ngày 29-11-2017).

- Hợp đồng cho vay số: 141NH/2019-HĐCV/NHCT510 ngày 07-3-2019: Số tiền vay là 100.000.000đồng. Thời hạn vay từ ngày 07-3-2019 đến ngày 07-3-2020, lãi suất cho vay là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay; mục đích vay để bổ sung vốn chăm sóc cà phê.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, vợ chồng anh H – chị đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 77, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 079179 ngày 24-02-2017 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Nguyễn H - bà Trịnh Thị X.

- Hợp đồng cho vay số: 404NH/2019-HĐCV/NHCT510 ngày 09-7-2019: Số tiền vay là 400.000.000đồng. Thời hạn vay từ ngày 09-7-2019 đến ngày 09-

7-2020, lãi suất cho vay là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay; mục đích vay để bổ sung vốn chăm sóc cà phê.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, vợ chồng anh H đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 07b, tờ bản đồ số 08, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 260065 ngày 19-11-2014 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Trương Đình Thức - bà Nguyễn Thị Gái (ông Trương Đình Thức và bà Nguyễn Thị Gái chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn H - bà Trịnh Thị X vào ngày 30-6-2016).

Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền cho vay. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bị đơn vi phạm về việc trả nợ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp để thông báo, đôn đốc, nhưng phía bị đơn vẫn cố tình không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh Nguyễn H – chị Trịnh Thị X pH trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 27-9-2021 của từng khoản vay như sau:

- Đối với khoản vay ngày 09-7-2019: Tổng số tiền đồng bị đơn pH trả là: 495.621.123đồng, trong đó: Nợ gốc 400.000.000đồng, lãi trong hạn 26.127.973đồng, lãi nợ quá hạn 69.493.150đồng.

- Đối với khoản vay ngày 07-3-2019: Tổng số tiền đồng bị đơn pH trả là: 126.450.889đồng, trong đó: Nợ gốc 100.000.000đồng, lãi trong hạn 3.149.520đồng, lãi nợ quá hạn 23.301.370đồng.

- Đối với khoản vay ngày 06-11-2018: Tổng số tiền đồng bị đơn pH trả là: 507.284.928đồng, trong đó: Nợ gốc 400.000.000đồng, lãi trong hạn 0đồng, lãi nợ quá hạn 107.284.928đồng.

- Đối với khoản vay ngày 05-12-2018: Tổng số tiền đồng bị đơn pH trả là: 329.496.165đồng, trong đó: Nợ gốc 260.000.000đồng, lãi trong hạn 2.298.631đồng, lãi nợ quá hạn 67.197.534đồng.

Đồng thời buộc anh H, chị X pH tiếp tục trả tiền lãi nợ quá hạn phát sinh kể từ ngày 28-9-2021 cho đến khi thanh toán hết nợ vay; trường hợp anh H và chị X không thực hiện đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

*- Đồng bị đơn - anh Nguyễn H – chị Trịnh Thị X:*

Tại bản tự khai ngày 23-6-2021, chị Trịnh Thị X trình bày: Vào các năm 2018 và 2019, vợ chồng chị có vay của Phòng giao dịch Ngọc Hồi - Ngân hàng C – Chi nhánh Kon Tum tổng số tiền 1.500.000.000đồng với 04 hợp đồng vay, trong đó có 02 hợp đồng với số tiền vay của mỗi hợp đồng là 400.000.000đồng,

01 hợp đồng có số tiền vay 100.000.000đồng và 01 hợp đồng vay 700.000.000đồng. Khi vay tiền, vợ chồng chị có thể chấp cho Ngân hàng 04 thửa đất tại xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi. Sau khi vay tiền, do làm ăn thua lỗ dẫn đến không thể trả đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng. Nay, vợ chồng chị đồng ý trả tổng số tiền còn nợ của các khoản vay tính đến ngày 22-02-2021 là 1.360.587.901đồng, đồng thời trả lãi phát sinh từ ngày 23-02-2021. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị X luôn cố tình vắng mặt không có lý do.

Về phía anh Nguyễn H: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh H luôn cố tình vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi phát biểu ý kiến như sau:

- + Về việc tuân theo pháp luật:

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án; các thủ tục tiến hành tố tụng được thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về phía người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đồng bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- + Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 280, 299, 320, 323, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; căn cứ các hợp đồng tín dụng có tại hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X pH trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ đến ngày 27-9-2021 1.458.853.106đồng.

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL đề nghị tuyên: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, đồng bị đơn pH tiếp tục chịu tiền lãi nợ quá hạn của số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán.

Trường hợp đồng bị đơn không thanh toán được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định.

Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc đồng bị đơn pH hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.200.000đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 144 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Hội, đề nghị buộc bị đơn pH chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật; trả lại cho Ngân hàng số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X trả số tiền gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên. Do vậy, đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X có địa chỉ cư trú tại xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, theo khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, đồng bị đơn – anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị X.

[3] Về nội dung: Theo trình bày của Ngân hàng C, vào các ngày: 06-11-2018, 05-12-2018, 07-3-2019 và 09-7-2019, Ngân hàng có cho anh H và chị X vay 04 khoản tiền lần lượt là 400.000.000đồng, 600.000.000đồng, 100.000.000đồng và 400.000.000đồng. Tuy nhiên, sau khi được giải ngân tiền vay, anh H và chị X không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Tính đến ngày xét xử vụ án, vợ chồng bị đơn còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền 1.458.853.106đồng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc phía bị đơn trả số tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28-9-2021 cho đến khi thanh toán hết số tiền vay.

[4] Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, hợp pháp, nguyên đơn đã cung cấp các Hợp đồng cho vay số 404NH/2019-HĐCV/NHCT510 ngày

09-7-2019, số 141NH/2019-HĐCV/NHCT510 ngày 07-3-2019, số 785NH/2018-HĐCV/NHCT510 ngày 06-11-2018, số 892NH/2018-HĐCV/NHCT510 ngày 05-12-2018 và các giấy nhận nợ kèm theo các hợp đồng này.

[5] Về phía đồng bị đơn: Tại bản tự khai ngày 23-6-2021, chị X thừa nhận vợ chồng chị có vay của Ngân hàng C tổng số tiền 1.500.000.000đồng với 04 hợp đồng vay, trong đó có 02 hợp đồng với số tiền vay của mỗi hợp đồng là 400.000.000đồng, 01 hợp đồng có số tiền vay 100.000.000đồng và 01 hợp đồng vay 700.000.000đồng. Nay, chị đồng ý trả tổng số tiền còn nợ của các khoản vay tính đến ngày 22-02-2021 là 1.360.587.901đồng, đồng thời trả lãi phát sinh từ ngày 23-02-2021. Còn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh H và chị X luôn vắng mặt, không có ý kiến nào khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại các Điều 70, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bên đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bị đơn cố tình vắng mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ được coi là từ bỏ việc chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu của nguyên đơn. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ để giải quyết vụ án.

[7] Xét các Hợp đồng cho vay số 404NH/2019-HĐCV/NHCT510 ngày 09-7-2019, số 141NH/2019-HĐCV/NHCT510 ngày 07-3-2019, số 785NH/2018-HĐCV/NHCT510 ngày 06-11-2018, số 892NH/2018-HĐCV/NHCT510 ngày 05-12-2018, được ký kết giữa Ngân hàng C – Chi nhánh Kon Tum và Phòng giao dịch Ngọc Hồi với anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X (chị X ủy quyền cho anh H trực tiếp ký hợp đồng với Ngân hàng) có nội dung, hình thức phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; các chủ thể tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ tư cách chủ thể; mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, các hợp đồng này có hiệu lực thi hành. Mặt khác, các “Giấy nhận nợ” kèm theo 04 hợp đồng tín dụng này thể hiện sau khi ký kết hợp đồng, vợ chồng anh H đã nhận đủ toàn bộ số tiền cho vay. Các khoản vay vừa nêu cũng được chị Trịnh Thị X thừa nhận. Từ đó có đủ cơ sở xác định vợ chồng anh H – chị X có vay của Ngân hàng các khoản tiền như phía nguyên đơn trình bày.

[8] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc anh H và chị X trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 27-9-2021 là 1.458.853.106đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.160.000.000đồng; tiền lãi là 298.853.106đồng, đồng thời pH tiếp tục trả tiền lãi nợ quá hạn kể từ ngày 28-9-2021 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại 04 hợp đồng tín dụng nêu trên và Án lệ số

08/2016/AL về xác định lãi suất, được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Bởi vậy, phần yêu cầu trả nợ gốc và tiền lãi của Ngân hàng được chấp nhận.

[9] Hồ sơ vụ án cũng thể hiện: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, anh H và chị X đã ký 04 Hợp đồng để thế chấp cho Ngân hàng các tài sản gồm:

[9.1] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 07b, tờ bản đồ số 08, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 260065 ngày 19-11-2014 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Trương Đình Thức - bà Nguyễn Thị Gái (ông Trương Đình Thức và bà Nguyễn Thị Gái chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn H - bà Trịnh Thị X vào ngày 30-6-2016) (để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng cho vay số 404NH/2019-HĐCV/NHCT510 ngày 09-7-2019);

[9.2] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 77, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 079179 ngày 24-02-2017 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Nguyễn H - bà Trịnh Thị X (đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng cho vay số 141NH/2019-HĐCV/NHCT510 ngày 07-3-2019)

[9.3] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 52, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 272447 ngày 21-10-2015 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Nguyễn H - bà Trịnh Thị X (đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng cho vay số 785NH/2018-HĐCV/NHCT510 ngày 06-11-2018);

[9.4] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 84a và thửa đất số 84b, tờ bản đồ số 61, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 157926 ngày 09-8-2016 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Ngân Văn Chính - bà Hà Thị Quyết (ông Ngân Văn Chính và bà Hà Thị Quyết chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn H - bà Trịnh Thị X vào ngày 29-11-2017) (đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng cho vay số 892NH/2018-HĐCV/NHCT510 ngày 05-12-2018).

[10] Các hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Ngân hàng với anh H và chị X phù hợp quy định về cả nội dung, hình thức và chủ thể tham gia giao kết; đã được công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật. Tại thời điểm giải quyết vụ án, các tài sản thế chấp đang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh H và chị X, không có ai tranh chấp. Bởi vậy, chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tuyên: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu đồng bị đơn không trả đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng có quyền

yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[11] Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả tổng số nợ của Ngân hàng thì anh H và chị X pH trả cho Ngân hàng số tiền nợ còn lại.

[12] Với những nhận định, phân tích ở trên, có đủ cơ sở khẳng định: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi là có cơ sở chấp nhận.

[13] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn pH chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.200.000đồng. Khoản chi phí này, Ngân hàng đã tạm ứng, nên anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X pH có nghĩa vụ hoàn trả.

[14] Về án phí: Anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X pH trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.458.853.106đồng, nên pH chịu án phí sơ thẩm với số tiền 55.765.593đồng. Ngân hàng không pH chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng:*

*- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 70, 91, 144, 147, 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*- Khoản khoản 2 Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng;*

*- Các Điều 278, 280, 357, 463, 466, 468, 470, 500, 501, 502 Bộ luật Dân sự;*

*- Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao);*

*- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;*

**Xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.**



Buộc anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X pH trả cho Ngân hàng C tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 27-9-2021 là 1.458.853.106đồng (*một tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, một trăm lẻ sáu đồng*), trong đó tiền nợ của từng khoản vay cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng cho vay số 404NH/2019-HĐCV/NHCT510 ngày 09-7-2019: Tổng số tiền anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X pH trả là 495.621.123đồng, trong đó: Nợ gốc 400.000.000đồng, lãi trong hạn 26.127.973đồng, lãi nợ quá hạn 69.493.150đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay số 141NH/2019-HĐCV/NHCT510 ngày 07-3-2019: Tổng số tiền anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X pH trả là: 126.450.889đồng, trong đó: Nợ gốc 100.000.000đồng, lãi trong hạn 3.149.520đồng, lãi nợ quá hạn 23.301.370đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay số 785NH/2018-HĐCV/NHCT510 ngày 06-11-2018: Tổng số tiền anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X pH trả là 507.284.928đồng, trong đó: Nợ gốc 400.000.000đồng, lãi trong hạn 0đồng, lãi nợ quá hạn 107.284.928đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay số 892NH/2018-HĐCV/NHCT510 ngày 05-12-2018: Tổng số tiền anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X pH trả là 329.496.165đồng, trong đó: Nợ gốc 260.000.000đồng, lãi trong hạn 2.298.631đồng, lãi nợ quá hạn 67.197.534đồng.

Kể từ ngày 28-9-2021 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc, anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X pH tiếp tục trả cho Ngân hàng C khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay đã ký kết nêu trên. Mức lãi suất mà anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng C theo quyết định của bản án này sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng C.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X không trả đủ tổng số tiền còn nợ thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi kê biên, bán đấu giá để thu hồi nợ đối với tài sản thế chấp tương ứng với từng khoản vay cụ thể:

- Đối với Hợp đồng cho vay số 404NH/2019-HĐCV/NHCT510 ngày 09-7-2019: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 07b, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thửa đất: Thôn Đăk Mế, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 260065 ngày 19-11-2014 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Trương Đình Thúc

- bà Nguyễn Thị Gái (ông Trương Đình Thức và bà Nguyễn Thị Gái chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn H - bà Trịnh Thị X vào ngày 30-6-2016);

- Đối với Hợp đồng cho vay số 141NH/2019-HĐCV/NHCT510 ngày 07-3-2019: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 77, địa chỉ thửa đất: Thôn Tà Ka, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 079179 ngày 24-02-2017 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Nguyễn H - bà Trịnh Thị X;

- Đối với Hợp đồng cho vay số 785NH/2018-HĐCV/NHCT510 ngày 06-11-2018: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 52, địa chỉ thửa đất: Thôn Iệc, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 272447 ngày 21-10-2015 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Nguyễn H - bà Trịnh Thị X;

- Đối với Hợp đồng cho vay số 892NH/2018-HĐCV/NHCT510 ngày 05-12-2018: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 84a và thửa đất số 84b, tờ bản đồ số 61, địa chỉ thửa đất: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 157926 ngày 09-8-2016 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Ngân Văn Chính - bà Hà Thị Quyết (ông Ngân Văn Chính và bà Hà Thị Quyết chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn H - bà Trịnh Thị X vào ngày 29-11-2017).

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả tổng số nợ được bảo đảm thì anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X pH trả cho Ngân hàng C số tiền nợ còn lại.

## **2. Về chi phí tố tụng:**

Buộc anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X pH hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.200.000đồng (*năm triệu, hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày Ngân hàng C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X không trả đủ số tiền chi phí tố tụng nêu trên thì pH trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

## **3. Về án phí:**

Buộc anh Nguyễn H và chị Trịnh Thị X pH nộp 55.765.593đồng (*năm mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm chín mươi ba đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền 26.409.000đồng (hai mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ chín nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2016/ 0002711 ngày 18-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi.

**4. Về kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27-9-2021), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- Chi cục THA h. Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phan Trường Thọ**